

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2019.

*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp việc nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Bội Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê A, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Số 85 đường A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Lê A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê A và Ông Phạm T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, về tích cách lẫn cách cư xử, thời gian gần đây ông T về nhà hay đánh và có xé quần áo của bà A. Do không thể tiếp tục sống chung nên bà A phải bỏ đi và từ khi làm đơn ly hôn đến nay giữa ông bà không còn chung sống với nhau. Nay bà A cho rằng không thể tiếp tục sống chung với ông T và tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phạm T, sinh ngày 10/9/2006 và Phạm ĐT, sinh ngày 19/4/2010. Bà A cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và chưa yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Tuy nhiên hiện nay do chỗ ở, công việc và thu nhập chưa ổn định, ông T cũng yêu cầu được nuôi cả 02 con

chung nên bà A đồng ý giao cả 02 con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà A chưa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn Ông Phạm T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Lê A tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, Tp P vào năm 2004.

Quá trình chung sống, vợ chồng đôi khi cũng có lời qua tiếng lại nhưng xong thì thôi không có để bụng hay thù hằn nhau. Ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi 02 con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phạm T, sinh ngày 10/9/2006 và Phạm ĐT, sinh ngày 19/4/2010. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và chưa yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ việc đã Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê A được ly hôn với Ông Phạm T; Về con chung: Giao cháu T và cháu ĐT cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T chưa yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con nên không xét; Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê A yêu cầu ly hôn Ông Phạm T và tranh chấp việc nuôi con. Bị đơn Ông Phạm T cư trú tại Số 85 đường A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 01 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê A và ông Phạm T có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2004 tại UBND phường P, Tp P theo Trích lục kết hôn số 25 ngày 25/7/2019 của UBND phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của bà A và ông T là hợp pháp.

Bà A cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, về tích cách lẫn cách cư xử, thời gian gần đây ông T về nhà hay xúc phạm, đánh đập và có xé quần áo của bà A. Tại phiên tòa bà A cho rằng không còn tình cảm với chồng và không thể sống chung với ông T, từ khi làm đơn yêu cầu ly hôn đến nay giữa ông bà không còn chung sống, quan tâm đến nhau nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. ông T cũng thừa nhận hay chửi mắng và có một lần đánh, xé quần áo của bà A và cũng nghi

ngờ bà A ngoại tình nhưng vì vợ chồng vẫn còn tình cảm nên mong muốn được hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con cái.

Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”; Khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*” và khoản 3 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu chồng, vợ có hành vi bạo lực gia đình ...*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng bà A, ông T cũng có những mâu thuẫn như nêu ở trên, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông bà vẫn không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết. Hơn nữa từ cuối tháng 7/2019 cho đến nay bà A đã tự bỏ ông T để có cuộc sống riêng và trong khoảng thời gian này giữa ông bà không còn quan tâm đến nhau, không cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân này.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu xin ly hôn của bà A đã thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà A là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông bà khai có 02 con chung tên Phạm T, sinh ngày 10/9/2006 và Phạm ĐT, sinh ngày 19/4/2010. Bà A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhưng hiện nay do chỗ ở, công việc và thu nhập chưa ổn định và ông T cũng yêu cầu được nuôi cả 02 con chung nên bà A đồng ý giao cả 02 con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc bà A tự nguyện giao hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, sự tự nguyện này cũng phù hợp với yêu cầu của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Mặc dù sự tự nguyện của bà A và yêu cầu được nuôi hai con chung của ông T không phù hợp với nguyện vọng của cháu T và ĐT. Nhưng khi xem xét giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải phù hợp với thực tế, đảm bảo điều kiện mọi mặt cho các cháu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà A khai vẫn chưa có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, hiện nay cháu T và ĐT vẫn sống chung với ông T; trong khi ông T có công việc, thu nhập ổn định nên nguyện vọng của con chung chỉ là một phần cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu T và ĐT cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho hai cháu có điều kiện phát triển tốt và lành mạnh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T chưa yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A ông T chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí : Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê A được ly hôn với Ông Phạm T.

Về con chung: Giao cháu Phạm T, sinh ngày 10/9/2006 và Phạm ĐT, sinh ngày 19/4/2010 cho Ông Phạm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T chưa yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê A và Ông Phạm T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà A đã nộp đủ án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0027846 ngày 31/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/10/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

QUÁCH VĂN HOÀNG